

Số: 799 /QĐ-UBND

Xuân Đông, ngày 30 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc), huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành, đoạn qua xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai (đợt 2)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ XUÂN ĐÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH-15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ, Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ, quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai), về chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai);

Căn cứ Quyết định số 5374/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai), về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2023 huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai);

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 04/01/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai), về việc triển khai Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai)



Nai); đối với dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc), huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành;

Căn cứ Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai), Quyết định quy định về bồi thường chi phí di chuyển tài sản; bồi thường, hỗ trợ chi phí di dời mồ mả khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai);

Căn cứ Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 10/02/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai);

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) ban hành quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai);

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai);

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai);

Căn cứ Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai); Quyết định sửa đổi bổ sung Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai), Quyết định ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai);

Căn cứ Nghị quyết số 27/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) quy định về tiêu chí khu vực, vị trí đất trong bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai);

Căn cứ Nghị quyết số 28/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) quy định về ban hành Quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai), Ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai);

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) về việc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai);

Căn cứ Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai, Quyết định quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thành phố Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ các Thông báo thu hồi đất ngày 18/3/2026 của UBND xã Xuân Đông về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc) đoạn qua địa bàn xã Xuân Đông;

Căn cứ Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 23/4/2026 của UBND xã Xuân Đông về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc), huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành, đoạn qua xã Xuân Đông, tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai);

Căn cứ Biên bản Hội thảo thẩm định Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc), huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành, đoạn qua xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai (Đợt 2) ngày 29/6/2026.

Theo đề nghị của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đồng Nai chi nhánh Cẩm Mỹ tại Văn bản số 359/TTPTQĐCNCM ngày 29/6/2026 về việc đề nghị trình phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc), huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành (đoạn qua xã Xuân Đông, tỉnh Đồng Nai - nay là thành phố Đồng Nai) (đợt 2) và đề nghị của Trưởng phòng Phòng Kinh tế xã tại Tờ trình số 196/TTr-KT ngày 29 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc), huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành, đoạn qua địa bàn xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai (đợt 2), bao gồm:

1. Phê duyệt Phương án số 919/PATTPPTQĐCNCM ngày 29/6/2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đồng Nai chi nhánh Cẩm Mỹ về Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, Dự án: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc), huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành, đoạn qua địa bàn xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai (đợt 2) theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ, Nghị định quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.



1.1. Tổng số trường hợp phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ: 30 hộ gia đình, cá nhân. Trong đó:

- Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: 30 hộ gia đình, cá nhân với tổng diện tích đất thu hồi (đợt 2): 67.246,4m²; trong đó:

- Đất trồng cây lâu năm (CLN): 16.618,1m²;
- Đất trồng cây hằng năm khác (HNK): 36.192,3m²;
- Đất trồng lúa nước còn lại (LUK): 13.283,8m²;
- Đất chuyên trồng lúa nước (LUC): 1.152,2m²;

1.2. Tổng giá trị phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc), huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành, đoạn qua địa bàn xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai (đợt 2): (a + b + c): 52.290.174.643 đồng (Viết bằng chữ: Năm mươi hai tỷ, hai trăm chín mươi triệu, một trăm bảy mươi bốn nghìn, sáu trăm bốn mươi ba đồng). Trong đó:

a. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 50.054.275.017 đồng

- Giá trị bồi thường về đất: 22.493.034.030 đồng
- Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc: 3.640.757.986 đồng
- Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng: 993.745.631 đồng
- Giá trị bồi thường, hỗ trợ về tài sản khác: 0 đồng
- Giá trị hỗ trợ về chính sách: 22.926.737.370 đồng

b. Kinh phí cho công tác bồi thường (3,5%): 1.751.899.626 đồng

Trong đó:

- Kinh phí TTPT Quỹ đất CN Cẩm Mỹ (85%): 1.489.114.682 đồng
- Kinh phí UBND xã Xuân Đông (15%): 262.784.944 đồng

c. Thưởng di dời: 484.000.000 đồng

(Đính kèm: Bảng tổng hợp chi tiết)

Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Thực hiện theo quy định tại Điều 87 Luật Đất đai năm 2024.

2. Phê duyệt 30 Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với 30 trường hợp hộ gia đình, cá nhân, cụ thể:

Phương án chi tiết số 642, 643, 644, 645, 649, 653, 655, 656, 657, 658, 659, 661, 663, 667, 668, 669, 670, 672/PA-TTPTQĐCNCM ngày 25/6/2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh Cẩm Mỹ và Phương án chi tiết số 907, 908, 909, 910, 911, 912, 913, 914, 915, 916, 917, 918/PA-TTPTQĐCNCM ngày 29/6/2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đồng Nai chi nhánh Cẩm Mỹ.

Việc xây dựng Phương án theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

3. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ nêu trên nằm trong kinh phí Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng nâng cấp, mở rộng tuyến đường

ĐT.773 (Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc), huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành, đoạn qua địa bàn xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai do Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đồng Nai chi nhánh Cẩm Mỹ - Đại diện chi trả cho các đối tượng được bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định.

Điều 2. Nhiệm vụ, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan:

1. Đề nghị Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đồng Nai chi nhánh Cẩm Mỹ

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh tế xã, Chủ đầu tư và Trưởng ấp nơi có đất thu hồi phổ biến và niêm yết công khai Quyết định này tại Trụ sở UBND xã, Phòng Kinh tế xã, Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, Nhà văn hóa ấp nơi có đất thu hồi đảm bảo đúng quy định.

- Trực tiếp giao Quyết định này đến từng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo đúng quy định.

- Tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) theo Phương án đã được phê duyệt. Thực hiện các khoản khấu trừ nghĩa vụ tài chính theo quy định (nếu có).

- Quản lý chặt chẽ diện tích đã được giải phóng mặt bằng.

- Tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án đảm bảo đúng quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Thực hiện lưu trữ hồ sơ, chứng từ gốc và các văn bản liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án đúng theo quy định.

2. Phòng Kinh tế xã có trách nhiệm:

- Phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đồng Nai chi nhánh Cẩm Mỹ để niêm yết công khai Quyết định này tại Trụ sở UBND xã, Phòng Kinh tế xã, Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, Nhà văn hóa ấp nơi có đất thu hồi đảm bảo đúng quy định.

- Tổng hợp đầy đủ hồ sơ, căn cứ các quy định có liên quan, tham mưu UBND xã ban hành Quyết định thu hồi đất theo đúng quy định.

3. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã có trách nhiệm đăng tải Quyết định này lên Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân xã.

4. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Đồng Nai (chủ đầu tư) có trách nhiệm:

Chuyển kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện dự án cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Cẩm Mỹ để thực hiện chi trả theo quyết định phê duyệt.

5. Người có đất bị thu hồi, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) chịu trách nhiệm tháo dỡ, di dời tài sản và bàn giao mặt bằng cho Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đồng Nai chi nhánh Cẩm Mỹ theo thời gian quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, Trưởng phòng Phòng Kinh tế xã, Trưởng phòng Phòng Văn hóa - Xã hội xã, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Đồng Nai, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đồng Nai, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đồng Nai chi nhánh Cẩm Mỹ, Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Cẩm Mỹ, thủ trưởng các cơ quan đơn vị có liên quan, hộ gia đình cá nhân có đất thu hồi chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
 - Sở Nông nghiệp và Môi trường tp;
 - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND xã;
 - Phòng Kinh tế xã;
 - Chánh, Phó CVP HĐND và UBND xã;
 - Lưu: VT, NNMT.
- (Hòa) - 10 bản



Trần Văn Thúc

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN
Thuộc dự án: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT. 773 (Long Thành-Cẩm Mỹ- Xuân Lộc),
huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành, đoạn qua xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai (Đợt 2)
(Kèm theo Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của UBND xã Xuân Đông)

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất bồi thường (m ²)										Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thường đi đời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Số Phương án	Ghi chú	
				Phi nông nghiệp		Nông nghiệp				Chưa sử dụng											
				Tổng	Tổng	Đất ở	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng lúa còn lại	Đất chuyển trồng lúa nước	Đất trồng cây hàng năm khác											
A	B	C	D	(1)=(2)+(4)+(9)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+(7)+(8)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)=(10)+(11)+(12)+(13)+(14)	(16)	(17)	
1	02	Ông Nguyễn Tấn Lộc và Lê Thị Nữ	Ấp 2, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	3.379,5	-	-	3.379,5	-	3.379,5	-	-	-	-	970.254.450	23.500.800	-	1.010.551.500	20.000.000	2.024.306.750	Phương án số 642/PA-TTPTQDNCNM ngày 25/6/2026	
2	03	Ông Hà Văn Thái	Ấp Bè Bạc, Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	2.055,3	-	-	2.055,3	-	2.055,3	-	-	-	-	473.849.415	-	46.244.250	493.609.050	20.000.000	1.033.702.715	Phương án số 643/PA-TTPTQDNCNM ngày 25/6/2026	
3	18	Ông Văn Phú Châu	Ấp 2, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	3.936,5	-	-	3.936,5	-	3.936,5	-	-	-	-	1.952.110.350	77.174.400	38.392.800	2.022.844.500	20.000.000	4.110.522.050	Phương án số 644/PA-TTPTQDNCNM ngày 25/6/2026	
4	24	Ông Lê Sang và Vũ Thị Thu Phương	Ấp 2, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	886,4	-	-	886,4	-	886,4	-	-	-	-	204.359.520	1.296.000	1.086.000	213.116.400	16.000.000	435.857.920	Phương án số 645/PA-TTPTQDNCNM ngày 25/6/2026	
5	31	Ông Nguyễn Đăng Phước	Ấp 2, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	3.251,8	-	-	3.251,8	-	1.865,2	-	1.386,6	-	-	749.702.490	-	63.560.000	776.409.300	20.000.000	1.609.671.790	Phương án số 907/PA-TTPTQDNCNM ngày 29/6/2026	
6	38	Ông Dương Hiền và bà Lưu Thị Huyền	Ấp 2, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	1.152,2	-	-	1.152,2	-	-	1.152,2	-	-	-	265.639.710	-	8.358.430	276.509.700	20.000.000	570.507.840	Phương án số 908/PA-TTPTQDNCNM ngày 29/6/2026	
7	47	Ông Hồ Hữu Huy	Ấp 2, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	387,3	-	-	387,3	-	169,3	-	218,0	-	-	111.193.830	-	2.092.723	855.000	12.000.000	126.141.553	Phương án số 909/PA-TTPTQDNCNM ngày 29/6/2026	Không được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp
8	49	Ông Nguyễn Tri Hưng và bà Nguyễn Thị Khuyến	Ấp 2, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	890,1	-	-	890,1	-	-	-	890,1	-	-	234.061.146	-	9.596.004	243.842.220	16.000.000	503.499.370	Phương án số 649/PA-TTPTQDNCNM ngày 25/6/2026	
9	50	Ông Nguyễn Đăng Thuận và bà Võ Thị Phấn	Ấp 2, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	1.517,4	-	-	1.517,4	-	-	-	1.517,4	-	-	349.836.570	-	20.229.437	366.174.900	20.000.000	756.240.907	Phương án số 910/PA-TTPTQDNCNM ngày 29/6/2026	
10	52	Ông Hoàng Văn Phương và Bà Lê Thị Tích	Ấp 2, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	942,5	-	-	942,5	-	942,5	-	-	-	-	217.293.375	2.419.200	-	226.496.250	16.000.000	462.208.825	Phương án số 911/PA-TTPTQDNCNM ngày 29/6/2026	
11	58	Bà Nguyễn Thị Hương	Ấp Bè Bạc, Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	49,1	-	-	49,1	-	49,1	-	-	-	-	14.096.610	691.200	1.102.500	15.437.700	4.000.000	35.328.010	Phương án số 912/PA-TTPTQDNCNM ngày 29/6/2026	
12	65	Ông Chu Quốc Công	Ấp 5, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	2.163,8	-	-	2.163,8	-	-	-	2.163,8	-	-	669.479.720	766.662.115	87.464.210	844.737.000	20.000.000	2.388.343.045	Phương án số 653/PA-TTPTQDNCNM ngày 25/6/2026	
13	66	Ông Chông A Thành và bà Lâm Súi Cù	Ấp 5, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	4.413,7	-	-	4.413,7	2.552,0	-	-	1.861,7	-	-	1.365.598.780	191.564.940	36.198.392	1.723.053.000	20.000.000	3.336.415.112	Phương án số 913/PA-TTPTQDNCNM ngày 29/6/2026	
14	67	Ông Trịnh Bon và bà Trần Thị Bạch Huệ	Ấp 5, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	12.164,6	-	-	12.164,6	8.566,1	-	-	3.598,5	-	-	4.063.482.290	589.530.040	306.904.814	5.128.876.500	20.000.000	10.108.793.644	Phương án số 655/PA-TTPTQDNCNM ngày 25/6/2026	
15	71	Bà Nguyễn Thị Thủy	Ấp 5, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	4.629,9	-	-	4.629,9	-	-	-	4.629,9	-	-	1.818.161.730	57.444.800	60.457.355	2.295.220.500	20.000.000	4.251.284.385	Phương án số 656/PA-TTPTQDNCNM ngày 25/6/2026	
16	72	Ông Vong Đức Tông và bà Vũ Thị Huệ	Ấp 5, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	5.013,4	-	-	5.013,4	-	-	-	5.013,4	-	-	1.968.762.180	548.333.438	65.981.984	2.488.473.000	20.000.000	5.091.550.602	Phương án số 657/PA-TTPTQDNCNM ngày 25/6/2026	
17	73	Ông Nguyễn Văn Học và bà Tống Thị Lan Anh	KP7, phường Thới An, thành phố Hồ Chí Minh	3.726,5	-	-	3.726,5	-	-	-	3.726,5	-	-	1.463.396.550	-	1.519.887	6.840.000	20.000.000	1.491.756.437	Phương án số 658/PA-TTPTQDNCNM ngày 25/6/2026	

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất bồi thường (m ²)										Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng đi đời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Số Phương án	Ghi chú	
				Tổng	Phi nông nghiệp			Nông nghiệp				Chưa sử dụng										
					Tổng	Đất ở	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng lúa còn lại	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng cây hàng năm khác											
A	B	C	D	(1)-(2)+(4)+(9)	(2)	(3)	(4)=(3)+(6)+(7)+(8)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)=(10)+(11)+(12)+(13)+(14)	(16)	(17)		
18	82	Bà Nguyễn Thị Quỳên	Ấp 2, xã Xuân Đông, thành phố Đông Nai	1.191,9	-	-	1.191,9	-	-	-	1.191,9	-	380.216.100	21.089.800	31.799.730	394.182.000	20.000.000	847.287.630	Phương án số 659/P.A-TTPTQĐCNCM ngày 23/6/2026			
19	83	Ông Nguyễn Văn Nhâm và bà Đặng Thị Mỹ cùng sư dụng đất với ông Trương Quốc Đức	Ấp 5, xã Xuân Đông, tỉnh Đồng Nai (Ông Nguyễn Văn Nhâm và bà Đặng Thị Mỹ), phường Tân Thuận, thành phố Hồ Chí Minh (Trương Quốc Đức)	794,3	-	-	794,3	-	-	-	794,3	-	311.921.610	27.113.152	116.600	-	20.000.000	359.151.362	Phương án số 914/P.A-TTPTQĐCNCM ngày 29/6/2026			
20	85	Ông Nguyễn Hữu Tuy	Thôn Ô Mễ, xã Tân Kỳ, thành phố Hải Phòng	2.497,8	-	-	2.497,8	-	-	-	2.497,8	-	796.796.200	1.645.637	16.553.306	3.420.000	20.000.000	838.417.143	Phương án số 661/P.A-TTPTQĐCNCM ngày 23/6/2026			
21	91	Ông Lăng Cả Dương và bà Lây Sng Kiểu	Ấp 5, xã Xuân Đông, thành phố Đông Nai	188,5	-	-	188,5	-	-	-	188,5	-	59.219.160	-	8.552.073	76.356.000	12.000.000	156.127.233	Phương án số 915/P.A-TTPTQĐCNCM ngày 29/6/2026			
22	92	Ông Nguyễn Đình Hải và bà Lê Thị Vân	Ấp 1, Xuân Đông, thành phố Đông Nai	178,3	-	-	178,3	-	-	-	178,3	-	56.014.728	139.200	13.942.068	72.316.800	12.000.000	154.412.796	Phương án số 663/P.A-TTPTQĐCNCM ngày 23/6/2026			
23	101	Ông Nguyễn Minh Dũng và bà Nguyễn Trúc Mai	Ấp 5, xã Xuân Đông, thành phố Đông Nai	1.094,3	-	-	1.094,3	-	-	-	1.094,3	-	520.294.418	860.000	14.170.130	657.543.300	20.000.000	1.212.867.848	Phương án số 916/P.A-TTPTQĐCNCM ngày 29/6/2026			
24	103	Ông Phạm Ngọc Vinh và bà Quách Thị Tinh	Ấp 5, xã Xuân Đông, thành phố Đông Nai	73,6	-	-	73,6	-	-	-	-	-	28.902.720	5.462.080	1.382.504	38.142.000	8.000.000	81.889.304	Phương án số 917/P.A-TTPTQĐCNCM ngày 29/6/2026			
25	115	Bà Phan Thị Kim Loan	Ấp Tân Bình, xã Cẩm Mỹ, thành phố Đông Nai	1.599,7	-	-	1.599,7	-	-	-	-	-	538.602.993	4.147.200	-	-	20.000.000	562.750.193	Phương án số 918/P.A-TTPTQĐCNCM ngày 29/6/2026			
26	123	Ông Lý A Pầu và bà Hồ Nhi Mui	Ấp 3, xã Xuân Đông, thành phố Đông Nai	3.822,5	-	-	3.822,5	-	-	-	-	-	1.286.997.525	207.311.080	78.123.943	1.498.218.750	23.020.000	3.090.651.298	Phương án số 667/P.A-TTPTQĐCNCM ngày 23/6/2026			
27	136	Ông Huỳnh Thái Bình	Ấp Rừng Sến, xã Đức Lập, tỉnh Tây Ninh	2,2	-	-	2,2	-	2,2	-	-	-	510.840	-	-	855.000	2.000.000	3.365.840	Phương án số 668/P.A-TTPTQĐCNCM ngày 23/6/2026			
28	140	Ông Hoàng Văn Lợi và bà Nguyễn Thị Thanh	Ấp 3, xã Xuân Đông, thành phố Đông Nai	5.207,4	-	-	5.207,4	-	-	-	5.207,4	-	1.611.169.560	1.112.449.384	78.531.629	2.037.726.000	20.000.000	4.859.876.573	Phương án số 669/P.A-TTPTQĐCNCM ngày 23/6/2026			
29	148	Ông Ngô Hồng Vơn	Ấp 3, xã Xuân Đông, thành phố Đông Nai	33,9	-	-	33,9	-	-	-	33,9	-	10.488.660	1.917.120	1.350.862	14.076.000	4.000.000	31.832.642	Phương án số 670/P.A-TTPTQĐCNCM ngày 23/6/2026			
30	151	Ông Ngô Hồng Tươi	Ấp 7, Gia Ray, phường Xuân Lộc, thành phố Đông Nai	2,0	-	-	2,0	-	-	-	-	-	618.800	6.400	34.000	855.000	2.000.000	3.514.200	Phương án số 672/P.A-TTPTQĐCNCM ngày 23/6/2026			
Tổng				67.246,4	-	-	67.246,4	-	16.618,1	13.283,8	1.152,2	36.192,3	-	22.493.034.030	3.640.757.986	993.745.631	22.926.737.370	484.000.000	50.538.275.017			
1. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân:																				50.538.275.017		
Trong đó: Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để tính mức trích kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (không bao gồm thường ngân giao mặt bằng)																				50.054.275.017		
2. Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường 3,5%																				1.751.899.626		
Trong đó:																						
- Trung Tâm Phát Triển quỹ đất Thành Phố Đông Nai, Chi nhánh Cẩm Mỹ (85%)																				1.489.114.682		
- UBND Xã Xuân Đông (15%)																				262.784.944		
Tổng cộng (1 + 2):																				52.290.174.643		
Viết bằng chữ: Năm mươi hai tỷ, hai trăm chín mươi triệu, một trăm bảy mươi bốn ngàn, sáu trăm bốn mươi ba đồng																						

Viết bằng chữ: Năm mươi hai tỷ, hai trăm chín mươi triệu, một trăm bảy mươi bốn ngàn, sáu trăm bốn mươi ba đồng